TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chúng;

2. Ông Phan Phước Tân.

- *Thư ký ghi biên bản*: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 02, ấp G, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Lê Thanh N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 10, ấp G, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng bà Phạm Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông N là do mai mối được gia đình hai bên đứng ra tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại ấp G, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm kinh tế gia đình; ông N thường xuyên ghen tuông, gây sự vô cớ đánh đập và hăm dọa giết bà. Vào khoảng tháng 02/2022, sau khi vợ chồng xảy ra tranh cãi và không thể hàn gắn nên bà H đã về nhà mẹ ruột sống từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên có khuyên ngăn nhưng không thành, nhận thấy tình cảm dành cho ông N không còn nữa, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Trúc V, sinh ngày 02/02/2015, Lê Tấn P, sinh ngày 27/10/2016 và Lê Phạm Thị Hồng A, sinh ngày 26/7/2019. Hiện nay cháu V và cháu A đang sống cùng bà H, cháu P sống cùng ông N. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu V, cháu Â; đồng ý để ông N nuôi dạy cháu P và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Thanh N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân; về con chung; về tài tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với bà H, những mâu thuẫn mà bà H trình bày chỉ là những mâu thuẫn nhỏ phát sinh giữa vợ chồng không đến mức trầm trọng dẫn đến ly hôn. Ông thừa nhận do thương vợ nên có tính hay ghen nhưng ông chỉ nói rồi cho qua và không đánh vợ như bà H trình bày. Lần mâu thuẫn gần đây nhất bà H bỏ về nhà mẹ ruột thì ông cùng gia đình đến tận nhà liên hệ hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý.

Tòa án tiến hành hòa giải tình cảm cho bà H và ông N, sau lần hòa giải thứ nhất ngày 03/4/2023 thống nhất cho ông N thời gian một tháng để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau thời gian hàn gắn tình cảm bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn do hai bên đã hết tình cảm, có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Cháu Lê Thị Trúc V có văn bản trình bày ý kiến: Hiện nay cha mẹ cháu đã không sống chung với nhau. Cháu đang học đến lớp 2 trường Tiểu học A xã V, hiện cháu đang ở với mẹ tại nhà bà ngoại. Cha mẹ xin ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ và không yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà H bảo lưu ý kiến và kiên quyết xin y hôn với ông N.

Ông N trình bày: Trong thời gian một tháng Tòa án cho hai bên hàn gắn tình cảm, ông có liên hệ hàn gắn tình cảm nhưng bà H chặn hết phương thức liên lạc và bỏ đi làm ở Sài Gòn nên việc hàn gắn không thành, ông cũng không còn cách nào khác để liên hệ hàn gắn tình cảm cho cả hai. Bà H vẫn giữ thái độ kiên quyết xin ly hôn nhưng ông không đồng ý vì còn thương vợ thương con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu P, đồng ý cho bà H nuôi cháu V và cháu A, ông không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H chung sống với ông N đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông N xây dựng gia đình dựa trên sự tự nguyện, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 03/6/2014 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông N. Ông N được Tòa án cho thời gian một tháng để hàn gắn tình cảm với bà H nhưng không thành và cũng không còn cách nào khác để liên hệ hàn gắn tình cảm cho cả hai.

Tại các phiên hòa giải ngày 03/4/2023 và 08/5/2023 Tòa án đã lắng nghe lời trình bày về mâu thuẫn của ông bà và phân tích nhằm tìm ra giải pháp hàn gắn nhưng bà H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa không hòa giải tình cảm mà tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H giữ nguyên ý kiến kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà mới phát sinh từ thời gian gần đây nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà H cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng về kinh tế gia đình; ông N thường xuyên ghen tuông, gây sự vô cớ đánh đập và hăm dọa giết bà. Ông N tuy không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương thức hàn gắn tình cảm do bà H không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn, có tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Trúc V, sinh ngày 02/02/2015, Lê Tấn P, sinh ngày 27/10/2016 và Lê Phạm Thị Hồng A, sinh ngày 26/7/2019. Hiện nay cháu Vy và cháu Ân đang sống cùng bà H, cháu Phát sống cùng ông N. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu V và cháu A và đồng ý để ông N nuôi dạy cháu Phát. Ông N yêu cầu được nuôi dạy cả 03 con chung.

Xét thấy, các con chung hiện sống ổn định, được đi học, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu. Ngoài ra, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu V, cháu A cho bà H và giao cháu P cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà H và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm

quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thúy H.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thúy H được ly hôn với ông Lê Thanh N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 03/6/2014 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang mang tên bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy H được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Trúc V, sinh ngày 02/02/2015 và Lê Phạm Thị Hồng A, sinh ngày 26/7/2019. Ông Lê Thanh N được tiếp tục nuôi cháu Lê Tấn P, sinh ngày 27/10/2016.

Công nhận sự tự nguyện của bà H và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu số 0008169 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2023), bà H và ông N được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thảo Ngân

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSH;
- THAH;
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs